Biểu 05

DỰ TOÁN PHÂN BỔ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số : /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
	TỔNG CỘNG		**146.655**	**39.501**	**5.915**	**5.168**	**96.071**	**3.164**	**1.100**	**628**	**13**	**1.423**	**3.164**	**-**	**-**	**-**	**3.164**	**146.655**	**38.401**	**5.287**	**5.155**	**97.812**
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)**		**7.817**	**-**	**-**	**-**	**7.817**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**576**	**-**	**-**	**-**	**576**	**8.393**	**-**	**-**	**-**	**8.393**
1.1	**TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**		**7.817**	**-**	**-**	**-**	**7.817**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**576**	**-**	**-**	**-**	**576**	**8.393**	**-**	**-**	**-**	**8.393**
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		6.017	-	-	-	6.017	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.017	-	-	-	6.017
		UBND huyện Đakrông	6.017				6.017	-					-					6.017	-	-	-	6.017
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		1.800	-	-	-	1.800	-					576	-	-	-	576	2.376	-	-	-	2.376
		UBND huyện Hải Lăng	600				600	-					-					600	-	-	-	600
		UBND huyện Gio Linh	300				300	-					-					300	-	-	-	300
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	900				900	-					576				576	1.476	-	-	-	1.476
2	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)**		**38.637**	**-**	**-**	**-**	**38.637**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.301**	**-**	**-**	**-**	**2.301**	**40.938**	**-**	**-**	**-**	40.938
		UBND thành phố Đông Hà	1.611				1.611	-					-					1.611	-	-	-	1.611
		UBND thị xã Quảng Trị	754				754	-					-					754	-	-	-	754
		UBND huyện Triệu Phong	3.391				3.391	-					-					3.391	-	-	-	3.391
		UBND huyện Hải Lăng	4.550				4.550	-					24				24	4.574	-	-	-	4.574

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Cam Lộ	1.206				1.206	-					-					1.206	-	-	-	1.206
		UBND huyện Đakrông	12.889				12.889	-					-					12.889	-	-	-	12.889
		UBND huyện Hướng Hóa	6.330				6.330	-					-					6.330	-	-	-	6.330
		UBND huyện Gio Linh	3.971				3.971	-					2.277				2.277	6.248	-	-	-	6.248
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.883				2.883	-					-					2.883	-	-	-	2.883
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	1.052				1.052	-					-					1.052	-	-	-	1.052
3	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)**		**21.887**	**-**	**5.915**	**-**	**15.972**	**1.063**	**-**	**628**	**-**	**435**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**20.824**	**-**	5.287	**-**	15.537
3.1	**Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp**		**15.972**	**-**	**-**	**-**	**15.972**	**435**	**-**	**-**	**-**	**435**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**15.537**	**-**	**-**	**-**	15.537
		UBND thành phố Đông Hà	666				666	-					-					666	-	-	-	666
		UBND thị xã Quảng Trị	312				312	-					-					312	-	-	-	312
		UBND huyện Triệu Phong	1.402				1.402	-					-					1.402	-	-	-	1.402
		UBND huyện Hải Lăng	1.881				1.881	-					-					1.881	-	-	-	1.881
		UBND huyện Cam Lộ	498				498	-					-					498	-	-	-	498
		UBND huyện Đakrông	5.328				5.328	-					-					5.328	-	-	-	5.328
		UBND huyện Hướng Hóa	2.617				2.617	-					-					2.617	-	-	-	2.617
		UBND huyện Gio Linh	1.641				1.641	-					-					1.641	-	-	-	1.641
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.192				1.192	-					-					1.192	-	-	-	1.192
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	435				435	435				435	-					-	-	-	-	-
3.2	**Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng**		**5.915**	**-**	**5.915**	**-**	**-**	**628**	**-**	**628**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.287**	**-**	5.287	**-**	**-**

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	229		229			-					-					229	-	229	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	127		127			-					-					127	-	127	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	550		550			-					-					550	-	550	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	657		657			-					-					657	-	657	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	204		204			-					-					204	-	204	-	-
		UBND huyện Đakrông	2.125		2.125			-					-					2.125	-	2.125	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	856		856			-					-					856	-	856	-	-
		UBND huyện Gio Linh	558		558			558		558			-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	459		459			-					-					459	-	459	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	150		150			70		70			-					80	-	80	-	-
4	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)**		**38.975**	**30.330**	**-**	**-**	**8.645**	**2.030**	**1.042**	**-**	**-**	**988**	**287**	**-**	**-**	**-**	**287**	**37.232**	29.288	-	-	7.944
4.1	**Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**		**30.330**	**30.330**	**-**	**-**	**-**	**1.042**	**1.042**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**29.288**	29.288	-	-	-
-	**Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo**		**17.948**	**17.948**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**17.948**	17.948	-	-	-
		Trường Cao đẳng kĩ thuật nghề	10.618	10.618				-					-					10.618	10.618	-	-	-
		Trường Cao đẳng y tế	4.830	4.830				-					-					4.830	4.830	-	-	-
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.500	2.500				-					-					2.500	2.500	-	-	-
-	**Hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp**		**12.382**	**12.382**	**-**	**-**	**-**	**1.042**	**1.042**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**11.340**	11.340	-	-	-
		Trường Cao đẳng kĩ thuật nghề	250	250				-					-					250	250	-	-	-

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	1.214	1.214				-					-					1.214	1.214	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	1.001	1.001				-					-					1.001	1.001	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	1.387	1.387				-					-					1.387	1.387	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	1.396	1.396				-					-					1.396	1.396	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	1.021	1.021				-					-					1.021	1.021	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	1.740	1.740				-					-					1.740	1.740	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	1.780	1.780				-					-					1.780	1.780	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	1.317	1.317				1.042	1.042				-					275	275	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.276	1.276				-					-					1.276	1.276	-	-	-
4.2	**TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**		**1.148**	**-**	**-**	**-**	**1.148**	**317**	**-**	**-**	**-**	**317**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**831**	**-**	**-**	**-**	831
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	287				287	287				287	-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	831				831	-					-					831	-	-	-	831
		UBND huyện Gio Linh	6				6	6				6	-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	24				24	24				24	-					-	-	-	-	-
4.3	**Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững**		**7.497**	**-**	**-**	**-**	**7.497**	**671**	**-**	**-**	**-**	**671**	**287**	**-**	**-**	**-**	**287**	**7.113**	**-**	**-**	**-**	7.113
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.450				1.450	-					287				287	1.737	-	-	-	1.737

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	725				725	-					-					725	-	-	-	725
		UBND thị xã Quảng Trị	317				317	-					-					317	-	-	-	317
		UBND huyện Triệu Phong	763				763	-					-					763	-	-	-	763
		UBND huyện Hải Lăng	580				580	-					-					580	-	-	-	580
		UBND huyện Cam Lộ	391				391	-					-					391	-	-	-	391
		UBND huyện Đakrông	732				732	-					-					732	-	-	-	732
		UBND huyện Hướng Hóa	1.220				1.220	-					-					1.220	-	-	-	1.220
		UBND huyện Gio Linh	671				671	671				671	-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	648				648	-					-					648	-	-	-	648
5	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)**		**25.000**	**-**	**-**	**-**	**25.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**25.000**	**-**	**-**	**-**	25.000
		UBND huyện Đakrông	25.000				25.000	-					-					25.000	-	-	-	25.000
6	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)**		**5.168**	**-**	**-**	**5.168**	**-**	**13**	**-**	**-**	**13**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**5.155**	**-**	**-**	5.155	-
6.1	**Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin**		**3.268**	**-**	**-**	**3.268**	**-**	**7**	**-**	**-**	**7**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.261**	**-**	**-**	3.261	-
		Sở Thông tin và Truyền thông	2.740	-	-	2.740	-	-					-					2.740	-	-	2.740	-
		UBND thành phố Đông Hà	27			27		-					-					27	-	-	27	-
		UBND thị xã Quảng Trị	13			13		-					-					13	-	-	13	-
		UBND huyện Triệu Phong	57			57		-					-					57	-	-	57	-
		UBND huyện Hải Lăng	61			61		-					-					61	-	-	61	-
		UBND huyện Cam Lộ	20			20		-					-					20	-	-	20	-
		UBND huyện Đakrông	126			126		-					-					126	-	-	126	-
		UBND huyện Hướng Hóa	107			107		-					-					107	-	-	107	-
		UBND huyện Gio Linh	59			59		-					-					59	-	-	59	-

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Vĩnh Linh	49			49		-					-					49	-	-	49	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	9			9		7			7		-					2	-	-	2	-
6.2	**Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**		**1.900**	**-**	**-**	**1.900**	**-**	**6**	**-**	**-**	**6**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.894**	**-**	**-**	1.894	**-**
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300			300		-					-					300	-	-	300	-
		Sở Tư pháp	52			52		-					-					52	-	-	52	-
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	60			60		-					-					60	-	-	60	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	58			58		-					-					58	-	-	58	-
		Hội Cựu chiến binh	50			50		-					-					50	-	-	50	-
		Tỉnh đoàn thanh niên	100			100		-					-					100	-	-	100	-
		UBND thành phố Đông Hà	66			66		-					-					66	-	-	66	-
		UBND thị xã Quảng Trị	31			31		-					-					31	-	-	31	-
		UBND huyện Triệu Phong	139			139		-					-					139	-	-	139	-
		UBND huyện Hải Lăng	149			149		-					-					149	-	-	149	-
		UBND huyện Cam Lộ	49			49		-					-					49	-	-	49	-
		UBND huyện Đakrông	302			302		-					-					302	-	-	302	-
		UBND huyện Hướng Hóa	260			260		-					-					260	-	-	260	-
		UBND huyện Gio Linh	144			144		-					-					144	-	-	144	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	118			118		-					-					118	-	-	118	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	22			22		6			6		-					16	-	-	16	-
7	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)**		**9.171**	**9.171**	**-**	**-**	**-**	**58**	**58**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9.113**	9.113	**-**	**-**	**-**
7.1	**Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**		**4.850**	**4.850**	**-**	**-**	**-**	**28**	**28**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.822**	4.822	**-**	**-**	**-**
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	600	600				-					-					600	600	-	-	-

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-					-					100	100	-	-	-
		Sở Y tế	234	234				-					-					234	234	-	-	-
		Sở Tư pháp	232	232				-					-					232	232	-	-	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	344	344				-					-					344	344	-	-	-
		Hội Nông dân	114	114				-					-					114	114	-	-	-
		Hội Cựu chiến binh	80	80				-					-					80	80	-	-	-
		Tỉnh đoàn thanh niên	70	70				-					-					70	70	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	159	159				-					-					159	159	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	74	74				-					-					74	74	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	334	334				-					-					334	334	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	358	358				-					-					358	358	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	119	119				-					-					119	119	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	725	725				-					-					725	725	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	624	624				-					-					624	624	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	346	346				-					-					346	346	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	284	284				-					-					284	284	-	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	53	53				28	28				-					25	25	-	-	-
7.2	**Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá**		**4.321**	**4.321**	**-**	**-**	**-**	**30**	**30**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**4.291**	4.291	-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.272	1.272				-					-					1.272	1.272	-	-	-
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	150				-					-					150	150	-	-	-
		Sở Y tế	125	125				-					-					125	125	-	-	-
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-					-					100	100	-	-	-
		Sở Xây dựng	40	40				-					-					40	40	-	-	-
		Sở Thông tin và truyền thông	50	50				-					-					50	50	-	-	-

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	90	90				-					-					90	90	-	-	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	70	70				-										70	70	-	-	-
		Hội Nông dân	50	50				-										50	50	-	-	-
		Hội Cựu chiến binh	68	68				-										68	68	-	-	-
		Tỉnh đoàn thanh niên	35	35				-										35	35	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	117	117				-										117	117	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	55	55				-										55	55	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	247	247				-										247	247	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	264	264				-										264	264	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	88	88				-										88	88	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	534	534				-										534	534	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	461	461				-										461	461	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	255	255				-					-					255	255	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	210	210				-					-					210	210	-	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	40	40				30	30				-					10	10	-	-	-